| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN PHÚ TÂN**<br>**TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **174**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25 – 9 – 2024
V/v "Xin ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thúy Dung.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Vũ Minh Hoàng.

Ông Đào Việt Khái.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Đoàn Thị Tú, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 250/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2024, về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 386/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Anh Trần Ra B, sinh năm: 1994 (Có mặt).
Địa chỉ cư trú: ấp 7, xã Khánh L, huyện U M, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Chị Tạ Thị Hân L, sinh năm: 1992 (Vắng mặt).
Địa chỉ cư trú: Khóm 4, thị trấn Cái Đôi V, huyện Phú T, tỉnh Cà Mau.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa của anh Trần Ra B là nguyên đơn thể hiện:*

Về hôn nhân: Anh và chị Tạ Thị Hân L xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Lâm, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 74, ngày 09/5/2019. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến cuối năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo anh B là do anh, chị bất đồng quan điểm về lối sống và mâu thuẫn về kinh tế dẫn đến vợ chồng cự cải thường xuyên. Mâu thuẫn giữa vợ chồng cha, mẹ hai bên có tổ chức hòa giải hàn gắn nhưng không thành. Anh, chị đã ly thân từ cuối năm 2021 cho đến nay. Do đó, anh B xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh B xác định: Anh, chị có một người con chung tên Trần Gia B sinh ngày 22/3/2020, hiện con đang ở với chị L. Khi ly hôn anh B yêu cầu

chị L tiếp tục nuôi con, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh B xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung và người khác nợ lại: Anh B khai vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị.

Đối với chị Tạ Thị Hân L, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn chị Tạ Thị Hân L thông qua người nhận là cha ruột của chị L là ông Tạ Văn M đầy đủ, đúng theo quy định pháp luật nhưng chị L vẫn vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến, cũng không có đơn phản tố gửi cho Tòa án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn khởi kiện của anh Trần Ra B về việc xin ly hôn với chị Tạ Thị Hân L thuộc lĩnh vực hôn nhân và gia đình được quy định tại các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; chị L là bị đơn có nơi cư trú tại khóm 4, thị trấn Cái Đôi V, huyện Phú T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị Tạ Thị Hân L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử theo quy định nhưng chị L vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Anh Trần Ra B và chị Tạ Thị Hân L xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 09/5/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Lâm, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, có đủ điều kiện kết hôn theo luật định nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Quá trình chung sống anh, chị có nhiều mâu thuẫn. Xét thực tế cuộc sống chung của anh, chị có mâu thuẫn là đúng vì theo anh Băng thì vợ chồng, anh, chị xảy ra mâu thuẫn thường xuyên trong nhiều năm, mâu thuẫn đỉnh điểm vào cuối năm 2021 nên anh, chị đã ly thân cho đến nay. Từ ngày ly thân đến nay anh, chị không còn quan tâm, chăm sóc, quý trọng nhau. Quá trình chung sống anh, chị đã cự cải nhiều lần, hiện nay mỗi người sống một nơi. Trong khoảng thời gian này anh, chị không ai có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn của vợ, chồng. Bên cạnh đó, anh B cương quyết ly hôn, nếu không được xem xét chấp nhận cho anh ly hôn thì anh cũng không đoàn tụ, chung sống với chị L được nữa vì tình cảm vợ, chồng không còn. Đối với chị L quá trình Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay đã mời chị rất nhiều lần nhưng chị không đến Tòa án, không gửi văn bản trình bày ý kiến. Do đó, Tòa án căn cứ vào những chứng cứ mà anh B nộp để giải quyết vụ án là phù hợp. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho anh Băng được ly hôn với chị L.

[4] Về con chung: Anh B xác định: Anh, chị có một người con chung tên Trần Gia B sinh ngày 23/3/2020, hiện con đang ở với chị L. Khi ly hôn anh B yêu cầu chị Ly tiếp tục nuôi con.

Xét thấy việc nuôi dạy con là quyền và nghĩa vụ của anh B, chị L. Giao con cho anh B hoặc chị L trực tiếp nuôi dạy cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con nhưng không phải giao con cho anh B hay chị L nuôi thì người không trực tiếp nuôi con bị tước đi các quyền chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con. Mặc dù, anh B khai anh, chị đều có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dạy các con nhưng việc anh, chị ly hôn đã phần nào ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của con nên cần phải hạn chế đến mức thấp nhất việc ảnh hưởng đời sống và bảo đảm được việc học hành, sự phát triển tốt về thể chất, tinh thần của con. Bên cạnh đó, cháu B đang sống ổn định với chị L, để tránh sự xáo trộn tâm lý, cuộc sống của cháu nên Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu B cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn, nhằm đảm bảo cho cuộc sống của con được đầy đủ, tốt hơn và thể hiện được trách nhiệm, tình thương của người làm cha, làm mẹ đối với con nên tại phiên tòa anh B thay đổi mức cấp dưỡng từ mỗi tháng 1.000.000 đồng tăng lên mỗi tháng cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng, cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, cho đến khi con đủ 18 tuổi. Xét đây là sự tự nguyện của anh B có lợi cho con nên Hội đồng xét xử xét thấy sự tự nguyện của anh B là phù hợp nên được chấp nhận.

Về thời gian cấp dưỡng, tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị L có đơn yêu cầu thi hành án, anh B không tự nguyện thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì còn phải chịu khoản lãi phát sinh trên số tiền chậm cấp dưỡng theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành.

Anh B không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Anh B xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung và người khác nợ lại: Anh B khai vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Trần Ra B về việc xin ly hôn chị Tạ Thị Hân L.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Gia B sinh ngày 22/3/2020, hiện con đang ở với chị L cho chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu, năm trăm nghìn đồng), cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về thời gian cấp dưỡng, tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị L có đơn yêu cầu thi hành án, anh B không tự nguyện thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì còn phải chịu khoản lãi phát sinh trên số tiền chậm cấp dưỡng theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành.

Anh B không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh B xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung và người khác nợ lại: Anh B khai vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, anh Trần Ra B phải chịu 300.000 đồng. Ngày 09 tháng 8 năm 2024, anh B đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0003785 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân được chuyển thu sung quỹ nhà nước.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con, anh B phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng, chưa nộp).

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Anh B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

**Lê Thúy Dung**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Phú Tân;
- UBND xã Khánh Lâm, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.